

Số: /SNN-PTNN

Đắk Nông, ngày tháng 01 năm 2023

V/v hướng dẫn thực hiện quy định về
tiêu chí và trình tự thủ tục công nhận
vùng nông nghiệp ứng dụng công
nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Công văn số 2613/BNN-KHCN ngày 04 tháng 04 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg; Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung cụ thể như sau:

1. Một số khái niệm

1.1. Công nghệ cao: là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có (*khoản 1, Điều 3, Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014 của Văn phòng Quốc hội về Luật công nghệ cao*).

1.2. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC): Là nền nông nghiệp được áp dụng những công nghệ mới vào sản xuất, bao gồm: công nghiệp hóa nông nghiệp (*cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất*), tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học và các giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất và chất lượng cao, đạt hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích và phát triển bền vững trên cơ sở canh tác hữu cơ.

1.3. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để sản xuất một hoặc một số nông sản hàng hóa có lợi thế của vùng đảm bảo đạt năng suất, chất lượng cao, giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường theo quy định của pháp luật.

1.4. Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: Là vùng sản xuất tập trung một hay một nhóm sản phẩm nông nghiệp cùng loại có quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của mỗi địa phương, tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*theo khoản 3, Điều 3, Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách*

khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

1.5. Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất và có giá trị gia tăng cao.

1.6. Tổ chức đại diện (*tổ chức đầu mối đề nghị công nhận vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*): Là các tổ chức/cá nhân (Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Liên hiệp Hợp tác xã; Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, ...) đứng ra là đầu mối/đại diện đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

1.7. Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*gọi chung là liên kết*) là việc thỏa thuận, tự nguyện cùng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các bên tham gia liên kết để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp (*theo khoản 1, Điều 3, Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*).

1.8. Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở hợp đồng; tạo điều kiện cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc; nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa các bên tham gia (*theo khoản 1, Điều 63, Luật Trồng trọt năm 2018*).

1.9. Liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp là hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*theo khoản 7, Điều 3, Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*).

2. Tiêu chí xác định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 (QĐ66)

TT	Tiêu chí đánh giá theo QĐ66	Hướng dẫn làm rõ
1	Tiêu chí 1: Tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị; có tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong vùng hoạt động ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng	Đánh giá dựa vào tài liệu minh chứng kèm theo (<i>như: Hợp đồng liên kết; Danh sách tổ chức, cá nhân tham gia liên kết;...</i>)
2	Tiêu chí 2: Sản phẩm sản xuất trong vùng là sản phẩm hàng hóa có lợi thế của vùng, tập trung các nhóm sản phẩm sau:	Sản phẩm hàng hóa có lợi thế của vùng là sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh/ địa phương đã được công nhận.
a	<i>Giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu vượt trội</i>	Đánh giá trên cơ sở Báo cáo Thuyết minh và kiểm tra thực tế theo bộ giống được cấp có thẩm quyền công nhận.
b	<i>Sản phẩm nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế cao; Chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực</i>	Đánh giá dựa vào Thuyết minh và tài liệu minh chứng kèm theo (<i>Giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng còn hiệu lực; Danh</i>

TT	Tiêu chí đánh giá theo QĐ66	Hướng dẫn làm rõ
	<i>hoặc quốc gia (VietGAP)</i>	<i>sách; quy mô diện tích; số hộ tham gia,...); kiểm tra thực tế của Hội đồng thẩm định (nếu có)</i>
3	Tiêu chí 3: Công nghệ ứng dụng là các công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống và phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; công nghệ thâm canh, siêu thâm canh, chế biến sâu nâng cao giá trị gia tăng; công nghệ tự động hóa, bán tự động; công nghệ thông tin, viễn thám, thân thiện môi trường. Công nghệ ứng dụng trên quy mô công nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị của sản phẩm và tăng năng suất lao động	Một số công nghệ theo quy định tại Điều 66, Luật Trồng trọt năm 2018 như: - Công nghệ sinh học trong di truyền chọn, tạo giống cây trồng; chẩn đoán, giám định sinh vật gây hại cây trồng; phát triển sản phẩm trong sinh học và vật liệu mới; - Công nghệ tưới nước tiết kiệm, canh tác không sử dụng đất; - Công nghệ sản xuất trong điều kiện nhà kính, nhà lưới; - Công nghệ thông tin ứng dụng trong dự tính, dự báo về sinh vật gây hại; cấp mã số và quản lý vùng trồng; - Kỹ thuật nông nghiệp chính xác ứng dụng trong khoa học đất và dinh dưỡng cây trồng; điều khiển tự động chế độ bón phân, nước tưới; công nghệ bán tự động và tự động trong dây chuyền sản xuất; phân tích chất lượng môi trường sản xuất và chất lượng sản phẩm cây trồng.
4	Tiêu chí 4:	
	- Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vùng chuyên canh, diện tích liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính một tỉnh, có điều kiện tự nhiên thích hợp, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh về giao thông, thủy lợi, điện thuận lợi cho sản xuất hàng hóa;	Vùng chuyên canh là vùng tập trung phát triển một hoặc vài loại cây trồng gắn với nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất đai, khí hậu...), để từ đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm tạo ra khối lượng hàng hóa lớn có khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Đánh giá thông qua Thuyết minh, sơ đồ/bản đồ vùng kèm theo hồ sơ và kiểm tra nhận diện thực tế qua quan sát.
	- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương	Xác định thông qua quy hoạch, kế hoạch,... có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt
5	Tiêu chí 5: Đối tượng sản xuất và quy mô của vùng	
5.1	Sản xuất hoa diện tích tối thiểu là 50 ha	
5.2	Sản xuất rau an toàn diện tích tối thiểu là 100 ha	
5.3	Sản xuất giống lúa diện tích tối thiểu là 100 ha	
5.4	Nhân giống và sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu diện tích tối thiểu là 5 ha	
5.5	Cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm diện tích tối thiểu là 300 ha	Xác định thông qua hồ sơ, thuyết minh kèm theo (<i>bao gồm: Sơ đồ/ bản đồ vùng; danh sách tổ chức, cá nhân tham gia vùng,... có xác nhận của chính quyền địa phương</i>).

TT	Tiêu chí đánh giá theo QĐ66	Hướng dẫn làm rõ
5.6	Thủy sản: sản xuất giống diện tích tối thiểu là 20 ha; nuôi thương phẩm diện tích tối thiểu là 200 ha	
5.7	Chăn nuôi bò sữa số lượng tối thiểu là 10.000 con/năm; bò thịt tối thiểu là 20.000 con/năm	
5.8	Chăn nuôi lợn thịt số lượng tối thiểu là 40.000 con/năm; lợn giống (lợn nái) tối thiểu 2.000 con/năm	
5.9	Chăn nuôi gia cầm số lượng tối thiểu là 50.000 con/lứa	

3. Hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Công văn số 2613/BNN-KHCN ngày 04 tháng 04 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg. Cụ thể thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Mẫu số 01 đính kèm).
- Thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ (theo Mẫu số 02 đính kèm).
- Danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận kèm theo Thuyết minh (theo mẫu tại Phụ lục I đính kèm)
- Các tài liệu, văn bản minh chứng có liên quan đến các nội dung kê khai kèm theo Thuyết minh (theo mẫu tại Phụ lục I đính kèm).

4. Trình tự, thủ tục công nhận vùng NNUĐCNC

Thực hiện theo quy định tại mục 3, phần I, A tại Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ và quy trình nội bộ thủ tục hành chính điện tử lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNN (*Thủ tục hành chính đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*). Cụ thể như sau:

Bước 1: Tổ chức đại diện (*tổ chức đầu mối*) của vùng lập hồ sơ (thành phần hồ sơ như nêu trên) đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT thông qua Trung tâm hành chính công (TTHCC) của tỉnh theo đường Bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp (*Địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông*).

Số lượng hồ sơ: 10 bộ (*Trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, 09 bộ hồ sơ bản sao*);

Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại TTHCC: TTHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đại diện đến nộp hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (*nếu có*): Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. TTHCC xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, TTHCC thông báo cho tổ chức đại diện biết để bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, TTHCC chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và PTNT để giải quyết.

Bước 3: Kiểm tra, xử lý hồ sơ

- Kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ (*nội dung hồ sơ không kê khai đầy đủ theo quy định*), trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo bằng văn bản cho TTHCC để thông báo cho tổ chức đại diện để bổ sung theo quy định. Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 20,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm tổ chức thẩm định.

Bước 4: Tổ chức thẩm định hồ sơ công nhận vùng NNUĐCNC

- Căn cứ Quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ công nhận vùng NNUĐCNC được UBND tỉnh ban hành; Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành mời các thành viên liên quan tổ chức họp đánh giá các tiêu chí hình thành vùng NNUĐCNC tại hồ sơ do Tổ chức đại diện nộp.

- Tổ chức họp thẩm định khi có ít nhất hai phần ba số thành viên của Tổ thẩm định có mặt. Tổ thẩm định hoạt động theo nguyên tắc tập thể, bỏ phiếu và kết quả theo đa số. Tổ thẩm định đề nghị công nhận khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt đồng ý công nhận. Trường hợp thấy cần thiết, Tổ thẩm định đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đoàn kiểm tra (*Tổ thẩm định*) thực tế vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận.

- Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp kết quả thẩm định:

+ Trường hợp kết quả thẩm định đảm bảo các Tiêu chí theo quy định ban hành kèm theo Quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận vùng NNUĐCNC;

+ Trường hợp kết quả thẩm định chưa đảm bảo các Tiêu chí theo quy định ban hành kèm theo Quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, ban hành văn bản trả lời Tổ chức đại diện kết quả thẩm định (*trong đó, đề nghị Tổ chức đại diện tiến hành khắc phục các tiêu chí chưa đạt theo kết quả thẩm định và*

tiến hành nộp Hồ sơ đề nghị công nhận vùng NNUDCNC sau khi đã khắc phục các tiêu chí chưa đạt trước đó).

Bước 5: Ban hành Quyết định công nhận vùng NNUDCNC

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp từ chối: thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối.

Bước 6: Nhận kết quả

Tổ chức đại diện nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông.

Hướng dẫn này thay thế các nội dung hướng dẫn tại Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Tiêu chí đánh giá và Trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (do UBND tỉnh đã bãi bỏ tại Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 22/11/2022).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Gia Nghĩa; các Sở, Ngành của tỉnh; các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT theo chức năng nhiệm vụ phổ biến, triển khai thông báo rộng rãi cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác,... tại địa phương được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Hội nông dân tỉnh (p/h);
- Hội LHPN tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (p/h);
- Sở Khoa học và Công nghệ (p/h);
- Sở Tài Nguyên và Môi trường (p/h);
- Sở Công thương (p/h);
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã (p/h);
- GD, các PGĐ Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở (t/h);
- Lưu: VT, PTNN (TT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Tình

CÁC MẪU HỒ SƠ LIÊN QUAN

(Kèm theo Công văn số .../SNN-PTNN ngày tháng 12 năm 2022
của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông)

Mẫu 01:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày ... tháng ... năm 202...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi:

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg, ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hướng dẫn tiêu chí đánh giá và trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và tình hình sản xuất tại địa phương, (UBND xã, hoặc HTX, DN) đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xem xét công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức đại diện:.....
 - Tên viết tắt (nếu có):
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại:..... Fax:
 - Email:.....
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh (sản xuất Cà phê, Hồ tiêu, Xoài, lúa, Cây ăn trái; Chăn nuôi...):.....

2. Tên vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận (Vùng sản xuất Cà phê, Hồ tiêu, Xoài, lúa, Cây ăn trái; Chăn nuôi... gắn với địa danh của chủ thể đăng ký):

Số lượng tổ chức (Doanh nghiệp/ HTX/ THT) tham gia liên kết trong vùng: ;

3. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Bản Thuyết minh vùng sản xuất đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 2, Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*);

- Danh sách tổ chức (*Doanh nghiệp / HTX / THT*), hộ nông dân tham gia liên kết trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*có xác nhận của chính quyền địa phương*);

- Các hồ sơ liên quan khác (*bản sao*): Hợp đồng liên kết; Chứng nhận sản xuất theo các tiêu chuẩn; Bản đồ/ Sơ đồ vùng;...

4. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng nội dung đề nghị theo quy định của pháp luật.

Kính đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xem xét và công nhận vùng sản xuất (*tên vùng... ..*) ứng dụng công nghệ cao theo quy định./.

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN

(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

Mẫu 02:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày ... tháng ... năm 202...

THUYẾT MINH
VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận**

- Tên vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận:

.....

- Tên viết tắt (nếu có):.....

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Địa chỉ:

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:

(Ví dụ: Sản xuất Cà phê / Sản xuất Hồ tiêu / Sản xuất lúa / Chăn nuôi Lợn/...).

- Số lượng tổ chức (Doanh nghiệp / Hợp tác xã / Tổ hợp tác) tham gia liên kết trong vùng NNƯDCNC:

- Số lượng hộ nông dân tham gia sản xuất trong vùng: hộ.

(Thông tin cụ thể từng Tổ chức, hộ nông dân tham gia liên kết, sản xuất trong vùng NNƯDCNC tại Danh sách kèm theo)

2. Tên tổ chức đại diện

- Tên tổ chức:

- Tên viết tắt (nếu có):.....

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện tổ chức:..... Chức vụ:.....

Nếu là DN/HTX/THT:

- Lĩnh vực hoạt động (Nêu tóm tắt lĩnh vực hoạt động của Doanh nghiệp/ HTX / THT):

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: ; Ngày cấp: ;

Cơ quan cấp:.....

3. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 2

- Tên tổ chức:
- Tên viết tắt (nếu có):.....
- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở:
- Số điện thoại: Fax:
- Đại diện:..... Chức vụ:.....
- Lĩnh vực hoạt động (Nêu tóm tắt lĩnh vực hoạt động của Doanh nghiệp/ HTX / THT):
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: ; Ngày cấp: ;

Cơ quan cấp:.....

4. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 3.....

(Kê khai đầy đủ các thông tin các tổ chức/ cá nhân tham gia liên kết sản xuất, kinh doanh trong vùng NNƯDCNC đề nghị công nhận)

II. THUYẾT MINH SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 2, QUYẾT ĐỊNH SỐ 66/2015/QĐ-TTg

1. Thuyết minh về phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng, với các tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng.

(thuyết minh và đưa ra minh chứng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng)

- Tổng số hộ tham gia vùng NNƯDCNC: hộ; tổng diện tích:ha (vùng trồng trọt) hoặc tổng đàn: ... con (vùng chăn nuôi) hoặc sản lượng (tấn) đối với vùng thủy sản.

- Số doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết: ; hình thức liên kết:

- Số hộ tham gia liên kết: hộ; diện tích có hợp đồng liên kết: ... ha.

- Sản lượng sản phẩm trong vùng trồng được DN, HTX tiêu thụ: ... tấn.

2. Thuyết minh về sản phẩm sản xuất trong vùng

(thuyết minh các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu vượt trội/ Sản phẩm nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế cao, chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc quốc gia (VietGAP) kèm theo các minh chứng)

- Sản phẩm chính trong vùng: ;

Diện tích: ; sản lượng:..... tấn/năm;

- Năng suất bình quân: tấn/ha;

Hoặc giá trị bình quân sản phẩm chính trong vùng: triệu đồng/ha.

- Diện tích được tổ chức sản xuất có chứng nhận theo các tiêu chuẩn:

TT	Tiêu chuẩn	Diện tích (ha)	Số hộ được chứng nhận	Ghi chú
1	VietGAP			
2	GlobalGAP			
3	RainForest			
4	UTZ Certified			
5	Fair trade			
6	Hữu cơ			
7	Khác...			
Tổng cộng				

3. Thuyết minh về công nghệ ứng dụng trong vùng

(nêu và mô tả các công nghệ ứng dụng trong sản xuất tại vùng, quy mô ứng dụng, tính tiên tiến của công nghệ, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động kèm theo tài liệu minh chứng)

3.1. Giống

- Diện tích vùng trồng sử dụng giống đảm bảo nguồn gốc xuất xứ *(Đối với vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả)*:ha

(Nêu cụ thể tên giống; nguồn gốc xuất xứ giống được sản xuất trong vùng; nêu tất cả các loại giống, chiếm bao nhiêu % diện tích vùng trồng).

- Đối với vùng sản xuất lúa giống, nhân giống nắm các loại *(nêu cụ thể công nghệ sản xuất, lai tạo giống, loại giống...)*:.....

- Đối với vùng chăn nuôi/ thủy sản *(nêu cụ thể công nghệ sản xuất, lai tạo giống, loại giống...)*:

3.2. Ứng dụng cơ giới trong sản xuất trong vùng

- Số hộ có sử dụng máy móc cơ giới trong các khâu sản xuất *(làm đất, chăm sóc, tưới nước, thu hoạch, vận chuyển sản phẩm...)*:.....hộ; diện tích ứng dụng:..... ha.

- Hoặc có sử dụng trang thiết bị hiện đại, quy trình công nghệ trong bảo quản, chế biến sản phẩm *(Có/ không; nếu có: mô tả cụ thể về quy trình công nghệ, quy mô, công suất nhà máy bảo quản, chế biến sản phẩm)*:.....

.....

.....
 3.3. Tái sử dụng các phế phẩm nông nghiệp (*vỏ cà phê, rom rạ, vỏ trấu, thân các loại đậu, ngô...*) trong vùng đạt:.....% diện tích vùng.

3.4. Số hộ sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất trong vùng: hộ;

Quy mô diện tích sử dụng:ha.

3.5. Áp dụng các biện pháp tổng hợp

- Diện tích có ứng dụng Quản lý dịch hại tổng hợp – IPM (*đối với vùng trồng trọt*): ha;

- Tỷ lệ các hộ dân trong vùng áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trên vật nuôi (*đối với vùng chăn nuôi*): %.

3.6. Số hộ ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất hoặc trong quản lý (*ứng dụng các phần mềm dự báo thời tiết, thông tin thị trường, theo dõi tình hình sinh trưởng cây trồng, giám sát dịch bệnh, quản lý dinh dưỡng, tưới tự động, ...*): hộ.

3.7. Về sử dụng nước hợp lý

- Diện tích có hệ thống tưới tiết kiệm hoặc sử dụng nước hợp lý (*đối với vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn trái*):ha.

- Tỷ lệ hộ dân trong vùng sử dụng hệ thống nước tự động, hoặc bán tự động (*đối với vùng chăn nuôi*): %

3.8. Tỷ lệ sản phẩm vùng trồng có tem truy xuất nguồn gốc/ được cấp Mã số vùng trồng/ Chỉ dẫn địa lý/ Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm/ công nhận sản phẩm OCOP...: %

3.9. Tỷ lệ sản phẩm vùng trồng được thu hoạch, bảo quản đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm: %.

3.10. Các công nghệ khác (*mô tả cụ thể nếu có*):

4. Thuyết minh về sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương, tính chuyên canh của vùng sản xuất hàng hóa, tính liên vùng, liên thửa, điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật về giao thông, thủy lợi, điện tại vùng

(*thuyết minh và đưa ra các văn bản, giấy tờ để minh chứng cho việc đáp ứng tiêu chí này*)

4.1. Sự phù hợp với điều kiện tự nhiên và quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành, địa phương:

4.2. Tính chuyên canh của vùng sản xuất hàng hóa, tính liên vùng, liên thửa (*thuyết minh và có tài liệu minh chứng kèm theo như: sơ đồ vùng/ bản đồ vùng*):

.....

4.3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật về giao thông, thủy lợi, điện

- Giao thông: Hệ thống đường trục chính vào khu sản xuất, đường nội đồng đã được cứng hóa (*đường nhựa, bê tông, cấp phối...*) trong vùng đạt: %

- Thủy lợi: Hệ thống thủy lợi, nguồn nước trong vùng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, đạt:%

- Điện: đáp ứng % nhu cầu sản xuất trong vùng.

5. Thuyết minh về quy mô vùng

(nêu rõ đối tượng sản xuất và quy mô sản xuất về diện tích đối với các sản phẩm trồng trọt và nuôi trồng thủy sản; số lượng đầu con đối với sản phẩm chăn nuôi)

- Đối tượng sản xuất:

- Quy mô:(*Trồng trọt, thủy sản: ha; chăn nuôi: con/năm*).

(Có tài liệu kiểm chứng liên quan kèm theo)

III. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Tự đánh giá đã đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg để công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa)

Đơn vị chủ thể đề nghị công nhận vùng sản xuất ... (*tên vùng*) tự đánh giá đã đáp ứng đủ các tiêu chí hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xem xét, công nhận vùng sản xuất.....(*tên vùng*) ứng dụng công nghệ cao theo đúng quy định./.

**TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN ĐỀ
NGHỊ CÔNG NHẬN**
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục 1 (kèm theo Thuyết minh)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày ... tháng ... năm 202...

DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN*(Kèm theo thuyết minh)***1. Tên tổ chức sản xuất, kinh doanh****1.1. Tên tổ chức (1):**

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:.....

- Tên người đại diện (*Họ và tên*): Chức vụ:- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (*Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp*):- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:.....,
Cơ quan cấp:.....**1.2. Tên tổ chức (2):**

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:.....

- Tên người đại diện (*Họ và tên*): Chức vụ:- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (*Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp*):- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:.....,
Cơ quan cấp:.....**1.3. Tên tổ chức (3):..****2. Tên cá nhân tham gia sản xuất trong vùng**

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Quy mô (Trồng trọt: ha; Chăn nuôi: con; Thủy sản: tấn)	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7	...			

Tổ chức đại diện
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

Xác nhận của Chính quyền địa phương
(Nếu tổ chức đại diện là Doanh nghiệp; HTX, Liên hiệp HTX...)

Phụ lục II (kèm theo Thuyết minh)
CÁC VĂN BẢN MINH CHỨNG LIÊN QUAN ĐẾN CÁC
NỘI DUNG KÊ KHAI CỦA THUYẾT MINH
(Kèm theo thuyết minh)

TT	Nội dung kê khai	Tài liệu kiểm chứng (*)	Ghi chú
1	Số hộ dân tham gia liên kết với Doanh nghiệp / HTX...	- Danh sách hộ tham gia liên kết; - Hợp đồng liên kết	- Có xác nhận - Bản photo
2	Sản lượng của sản phẩm chính trong vùng trồng được DN, HTX tiêu thụ; ...	- Báo cáo sản lượng cây trồng chính bình quân của vùng <i>(Của chủ thể đề nghị công nhận)</i>	BC số..., ngày.../.../...
3	Diện tích được tổ chức sản xuất có chứng nhận <i>(theo một hoặc các tiêu chuẩn sau: VietGAP, GlobalGAP, RainForest, UTZ Certified, Fair trade, hữu cơ...)</i>	- Quyết định/ chứng nhận công nhận tiêu chuẩn... - Danh sách liên quan kèm theo <i>(nếu có)</i>	Quyết định số..., ngày.../.../...
4	Sơ đồ/Bản đồ vùng trồng	Sơ đồ/Bản đồ chi tiết	
5	...		

Ghi chú (): Liệt kê các tài liệu kiểm chứng có liên quan đến các nội dung kê khai tại bản Thuyết minh (nếu có)*